



HUỶNH THỨC KHÁNG NGƯỜI CHÉP SỬ CỦA PHONG TRÀO DUY TÂN ĐẦU THẾ KỶ XX

Nguyễn Tất Thắng *

Trường Đại học Sư phạm Huế - Đại học Huế

34 Lê Lợi, Huế, Việt Nam

Tóm tắt. Huỳnh Thúc Kháng (1876-1947) là một chí sĩ nổi tiếng với tài năng, đức độ và lòng yêu nước, người dân Việt Nam thường nhắc đến ông với một tên gọi gần gũi: cụ Huỳnh. Từ một người tham gia đắc lực trong phong trào Duy Tân, Huỳnh Thúc Kháng trở thành một nhà “Sử học”. Cụ Huỳnh đã ghi chép lại khá đầy đủ về những sự kiện, diễn biến và những nhân vật tiêu biểu trong phong trào Duy Tân, nhất là trong phong trào chống thuế Trung Kỳ năm 1908. Trên cơ sở các nguồn tư liệu khác nhau, với phương pháp Lịch sử và lôgic, bài viết sau nhằm đi sâu tìm hiểu những đóng góp của Huỳnh Thúc Kháng đối với phong trào yêu nước, nhất là làm rõ vai trò nhà chép sử của phong trào Duy Tân ở Việt Nam những năm đầu thế kỷ XX.

Từ khóa. Huỳnh Thúc Kháng, Nhà Sử học, Chống thuế, Côn Đảo, Tiếng Dân

1. Vài nét về tiểu sử Huỳnh Thúc Kháng

Huỳnh Thúc Kháng (1876 - 1947) khi còn nhỏ có tên là Hanh, tự Giới Sanh, hiệu Minh Viên, quê ở làng Thạnh Bình, tổng Tiên Giang Thượng, tỉnh Quảng Nam (nay là huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam).

“Năm Canh Tý 1900, ông đỗ Giải Nguyên, năm Giáp Thìn 1904 ông đỗ Hoàng Giáp khi 28 tuổi. Tuy nhiên, không như phần đông giới sĩ phu đương thời, ông không chọn con đường cử nghiệp để ra làm quan nhằm “vinh thân, phì gia”. Chính vì vậy ông không ra làm quan mà chỉ chuyên tâm vào lo cứu nước, cứu dân” [10, Tr. 258]. Ông kết bạn thân tình với các chí sĩ yêu nước nổi tiếng đương thời như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp... Do tham gia đắc lực trong phong trào Duy Tân và phong trào chống thuế Trung Kỳ, ông bị thực dân Pháp bắt giam và bị đày ra Côn Đảo - nơi được xem là địa ngục trần gian - sau 13 năm (1908 - 1921) mới được trả tự do.

Năm Bính Dần (1926), Cụ được cử làm Viện trưởng Viện Dân biểu Trung Kỳ. Khi trở thành Viện trưởng Viện Dân biểu Trung Kỳ, cụ Huỳnh luôn đề cao tinh thần dân tộc, chống bất công, áp bức, cường quyền. Với tư cách Viện trưởng, Cụ đã đề đạt lên chính phủ bảo hộ giải quyết ba vấn đề gồm: *“học giới bó buộc”, “tài nguyên kiệt quệ”, “hình luật thiên lụy”*. Kiến nghị của Cụ đã tác động đến nhận thức của thành phần quan lại tham gia chính quyền và tầng lớp trung lưu vẫn còn tư tưởng thụ động của triều đại phong kiến.

*Liên hệ: quynhthinguyen63@gmail.com

Nhận bài: 02-10-2017; Hoàn thành phản biện: 17-10-2017; Ngày nhận đăng: 17-10-2017

Trong suốt 3 năm hoạt động ở Viện Dân biểu Trung Kỳ, cụ Huỳnh đấu tranh cương quyết trong nghị trường, rồi nhân việc chống lại viên Khâm sứ Pháp Jabouille, Cụ từ chức và sáng lập tờ báo *Tiếng Dân*, làm chủ nhiệm kiêm chủ bút báo này tại Huế từ năm 1927 đến năm 1943.

Quan điểm chính yếu của cụ Huỳnh khi ra tờ báo *Tiếng Dân* là: *“Tôi là nhà cách mạng công khai, tôi đấu tranh cho quyền lợi của dân tộc Việt Nam một cách công khai. Vì đất nước Việt Nam có biên cương và lãnh thổ công khai trên bản đồ thế giới. Cho nên, tôi cũng công khai nói lên tiếng nói của người Việt Nam yêu chuộng hòa bình, độc lập, tự do và tự chủ. Do đó, tôi thách đố mọi trùng phạt và hiểm nguy đến với cá nhân tôi”* [9, Tr. 135].

Sau 16 năm hoạt động liên tục từ năm 1927 đến năm 1943, báo *Tiếng Dân* đã ra được 1.766 số, trở thành tờ báo lâu năm nhất, phản ánh những sự kiện lịch sử diễn ra ở Trung Kỳ, đồng thời là nơi tập hợp tiếng nói của các lực lượng có tinh thần dân tộc dân chủ trong tầng lớp trí thức tiểu tư sản miền Trung trong cuộc đấu tranh đòi độc lập, dân chủ ở Việt Nam ở nửa đầu thế kỷ XX [1, tr.50].

Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, cụ Huỳnh được Chủ tịch Hồ Chí Minh mời ra Hà Nội nhận chức Bộ trưởng Bộ Nội vụ trong Chính phủ Liên hiệp kháng chiến Việt Nam dân chủ cộng hòa. Trong thời gian Chủ tịch Hồ Chí Minh sang thăm Pháp, ông được trao Quyền Chủ tịch Chính phủ (1946).

Ngày 21 tháng 4 năm 1947, Cụ lâm bệnh nặng, trước lúc nhắm mắt, Huỳnh Thúc Kháng còn đánh điện báo tin cho Chủ tịch Hồ Chí Minh nói rõ tâm sự về chuyến đi cuối cùng của đời mình:

“Gửi Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Tôi bệnh nặng chắc không qua khỏi. Bốn Mươi năm ôm ấp độc lập và dân chủ, nay nước nhà đã độc lập, chế độ dân chủ đã thực hiện; thế là tôi chết hả. Chỉ tiếc không gặp được cụ lần cuối! Chúc cụ sống lâu để dìu dắt quốc dân lên đường vinh quang, hạnh phúc.

Chào vĩnh quyết” [8, Tr. 124].

Huỳnh Thúc Kháng mất tại huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi. Làm theo tâm nguyện của Cụ, nhân dân đã an táng Cụ trên đỉnh núi Thiên Ấn. Nơi đây là đệ nhất thắng cảnh của Quảng Ngãi. Nhà lưu niệm Huỳnh Thúc Kháng tại xã Tiên Cảnh, huyện Tiên Phước vẫn còn lưu giữ nhiều kỷ vật có giá trị, được một người cháu nuôi trong dòng tộc bảo quản.

Trong thư gửi vĩnh biệt cụ Huỳnh, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết:

“Cụ Huỳnh là người học hành rất rộng, chí khí rất bền, đạo đức rất cao. Vì lòng yêu nước mà Cụ trước đây bị bọn thực dân làm tội, đày ra Côn Đảo. Mười mấy năm trường gian nan cực khổ, nhưng lòng son dạ sắt, yêu nước thương nòi của Cụ chẳng những không sòn, mà lại thêm cương quyết.

Cụ Huỳnh là người giàu sang không làm xiêu lòng, nghèo khó không làm nản chí, oai vũ không làm sòn gan. Cả đời cụ Huỳnh không cần danh vị, không cần lợi lộc, không thèm làm giàu. Cả đời Cụ Huỳnh chỉ phấn đấu cho dân được tự do, nước được độc lập, đến ngày nước Việt Nam Dân chủ Cộng

hòa được thành lập Chính phủ ta mời Cụ ra. Tuy đã 71 tuổi, nhưng Cụ vẫn hăng hái nhận lời, Cụ nói: "Trong lúc phục hưng dân tộc, xây dựng nước nhà thì bất kỳ già, trẻ, trai, gái, ai cũng ra sức phụng sự Tổ quốc" [6, Tr.142].

2. Người chép sử của phong trào Duy Tân đầu thế kỷ XX

Trong cuốn "Phong trào Duy Tân", nhà nghiên cứu Nguyễn Văn Xuân gọi Huỳnh Thúc Kháng là "sử gia của phong trào Duy Tân ở Việt Nam đầu thế kỷ XX" [14-177]. Theo chúng tôi, nhận xét trên là hoàn toàn chính xác.

Mính Viên có 4 ưu thế mà khó có một nhà viết sử nào có đủ khi viết về giai đoạn đấu tranh cách mạng của dân tộc vào đầu thế kỷ XX.

Thứ nhất, Huỳnh Thúc Kháng là một trong những nhà cách mạng hoạt động tích cực của hai xu hướng Dân tộc và Dân chủ như: Phan Bội Châu, Tiểu La Nguyễn Thành, Trần Quý Cáp, Phan Châu Trinh, Châu Thượng Văn - hai xu hướng mà theo Cụ là "Tuương phản nhi tương thành". Chẳng những thế trong vòng 13 năm ở Côn Đảo (1908-1921) ông đã có dịp sống chung, luận bàn, xướng họa thơ văn với hầu hết các nhà cách mạng, các chí sĩ ở mọi miền đất nước bị đày ra Côn Đảo: Đặng Nguyên Cẩn, Ngô Đức Kế, Nguyễn Quyền, Lê Đại, Lê Văn Huân, Nguyễn Văn Ngôn...

Đó là những điều kiện thuận lợi để Cụ có thể cung cấp cho chúng ta những thông tin chính xác.

Thứ hai, Mính Viên rất có ý thức của người chép sử, muốn ghi lại "món tài liệu chân xác cho nhà làm sử" như là trong bài "Tựa sau" của "Thi Tù Tùng Thoại".

"Dưới ngòi bút của ông, sự kiện lịch sử, khung cảnh lịch sử được ghi chép với đầy đủ chi tiết, ông tái hiện chân dung của những nhân vật cùng thời thật sống động với cá tính, hành trang, tư tưởng và cả thơ văn. Qua khứ dưới ngòi bút ký sự của ông được tái hiện một cách sinh động và chân thật" [12].

Ông viết với ý thức làm Sử phải tuân thủ sự thật lịch sử, cả trong hoàn cảnh bị câu thúc, mất tự do. Ông viết: "Mậu Thân dân biến ký" ngay trong phòng giam của nhà ngục Côn Đảo. Cuốn này không được mang về đất liền nên sau này ông lại viết "Trung Kỳ cự sưu ký" (rời tự dịch ra quốc ngữ) tường thuật lại cuộc chống thuế Trung Kỳ ở 10 tỉnh. Mính Viên viết "Phan Tây Hồ tiên sinh lịch sử", tiểu sử Thái Xuyên Trần Quý Cáp để khắc trên bia mộ. Ông ghi lại Huỳnh Thúc Kháng niên phổ và đây là những trang sử quý giá, đôi khi chứa đựng những tư liệu, thông tin duy nhất về một sự kiện, về một con người mà chúng ta cần hiểu rõ.

Thứ ba, với một trí nhớ tuyệt vời, một kiến thức quảng bác và với sở trường thơ văn, Mính Viên đã ghi lại gần như toàn bộ thơ văn mà các bạn tù, các đồng chí sáng tác trong tù, hoặc ở ngoài tù. Mục đích được ông bày tỏ khá rõ ngay từ lời tựa của tác phẩm "Thi tù tùng thoại": "Bản này là ký giả chép góp thơ và chuyện của một ít chính trị phạm đồng tội trong thời gian 13

năm bị đày ở Côn Đảo mà ký giả là một người trong đồng bọn ấy, tai nghe mắt thấy toàn là chuyện thật từ đầu năm 1908 đến năm 1912” [2, Tr. 113]. Chẳng những ghi lại, Huỳnh Thúc Kháng còn dịch toàn bộ ra thơ văn bằng chữ Quốc ngữ. Đây là một công trình công phu, tâm huyết, không phải ai cũng làm được.

Không nhờ công phu và tâm huyết của Huỳnh Thúc Kháng, thơ văn yêu nước đầu thế kỷ XX đã thiệt mất biết bao nhiêu giá trị. Một số lượng lớn thơ văn cách mạng đầu thế kỷ XX của nhiều tác giả đã được trích từ *“Thi Tù Tùng Thoại”*. Cho nên, *“Thi Tù Tùng Thoại”* vừa là một cuốn sử cách mạng, vừa là một hợp tuyển thơ văn cách mạng.

Ngoài bài tựa của tác giả, lời nói đầu, kết, bổ lục, bài tựa sau của tác giả, bài đề hậu bỏ Thi Tù Tùng Thoại của Sào Nam, toàn bộ nội dung của *“Thi Tù Tùng Thoại”* được chia ra 126 tiểu đoạn, được dàn trải trong mấy trăm trang sách với rất nhiều bài thơ, câu đối (vừa Hán, vừa Nôm, Quốc ngữ), thi thoại... của tác giả và các bạn tù. Các chi tiết ấy có thể giúp độc giả ngày nay biết rõ diễn tiến các phong trào yêu nước từ Văn Thân, Cần Vương, Đông Du, Duy Tân, khởi nghĩa Duy Tân (1916), khởi nghĩa Thái Nguyên (1917); nhất là các khuôn mặt những nhà thơ lớn, các nhà cách mạng: từ Lữ Xuân Oai đến Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng, Đặng Nguyên Cẩn, Ngô Đức Kế, Lê Huân, Lương Văn Can, Nguyễn Quyền, Nguyễn Thượng Hiền, Nguyễn Thành, Châu Thượng Văn, Trần Cao Vân...

Nói như Nguyễn Văn Xuân thì độc giả *“chỉ cần đọc qua tập này, cũng có thể biết các diễn tiến cách mạng Việt Nam cũng như suy tư và tình cảm của các nhà cách mạng thời ấy, đặc biệt là của nhóm Duy tân”*[13]. Đúng vậy, đây là tiếng thơ mà cũng là tấc lòng của các chiến sĩ Duy Tân năm 1908 đã bị thực dân Pháp và Nam triều lưu đày ở Côn Đảo.

Ngoài thơ văn của các chiến sĩ Côn Đảo, độc giả còn biết thêm những sinh hoạt nơi nhà tù khổng lồ Côn Đảo, nơi qui tụ bao chí sĩ một lòng vì nước vì dân. Nhiều vị đã bỏ thân nơi địa ngục trần gian đây mồ hôi, nước mắt và máu này. Đó là những công việc khổ sai, những qui chế khắc nghiệt, tàn bạo của nhà tù, cảnh sống thiếu thốn cơ cực, dịch bệnh ác tính, cách cư xử nghiệt ngã mà các chiến sĩ Côn Đảo phải hứng chịu trong nhiều năm tháng dài cơ cực, khổ khổ. Bên cạnh đó, các tù nhân nói chung và chính trị phạm, hay tù *“Quốc sự”* nói riêng đã chiến đấu để sống còn nơi *“địa ngục trần gian”* mà cũng là *“thiên nhiên học hiệu”* (trường học thiên nhiên) này. Học hiệu cùng sinh hoạt ở Côn Đảo đã là nơi các chiến sĩ được tôi luyện bản thân cũng như giúp họ một bài học sinh động cho đạo làm người giữa thế kỷ XX dưới sự bảo hộ của *“mẫu quốc Đại Pháp”* và tay sai Nam triều... Từ môi trường này, những *“Quốc sự”* phạm đã đấu tranh dũng cảm, kiên cường không mệt mỏi, hoặc tìm mọi cách vượt Côn Đảo để tiếp tục con đường cứu nước, cứu dân bất chấp mọi khó khăn, nguy hiểm, gian khổ và cũng có lúc hi sinh mạng sống để đạt cứu cánh cho đời [11, Tr.368].

Điểm thứ tư mà chúng tôi muốn nhấn mạnh là cách viết thật đặc biệt của cụ Huỳnh. Mang án chung thân đày ra *“Hòn đảo mồ hôi giữa cõi cùngth”* ngay trong nhà ngục. Cụ viết mộ chí của Trần Quý Cáp với đầy đủ tư tưởng, nhân cách, hoạt động của Thai Xuyên để dựng ngay

dưới thời còn bị thực dân Pháp cai trị. Cụ viết lịch sử cách mạng với đầy đủ tên tuổi các sĩ phu yêu nước cùng với thơ văn để đăng từng kỳ trên báo *"Tiếng dân"* dưới chế độ kiểm duyệt khắt khe của Sở Mật thám Trung Kỳ (*Thi Tù Tùng Thoại*).

Với ngòi bút tự sự trầm tĩnh mà hàm súc, ngắn gọn mà phong phú thông tin, nhiều lúc khách quan đến như bàng quan, tưởng như vô tư, vô hại với thực dân, Cụ đã khéo léo chuyển đến người đọc đầy đủ thông tin chân thực. Không lưu ý đến hoàn cảnh câu thúc của Huỳnh Thúc Kháng khi cầm bút, không hiểu cái dụng tâm viết sử của Cụ, không nhận ra lối thông tin gián tiếp, công phu của Cụ thì chúng ta đã không thể tiếp nhận được những điều cụ Huỳnh muốn nói với chúng ta và trong trường hợp đó, chúng ta sẽ hiểu một cách sai lạc những điều Cụ viết.

Đọc kỹ *"Thi Tù Tùng Thoại"* chúng ta tự hỏi là *"Thi Tù Tùng Thoại"* hay Thoại Tù Tùng Thi? Gọi *"Thi Tù Tùng Thoại"* là một đoạn tù sử thì đủ mà chưa đủ. Bởi vì có những nhân vật, những sự kiện được nói đến đôi khi rất kỹ, trong *"Thi Tù Tùng Thoại"* mà chẳng hề có tâm sự góp mặt hay xảy ra ở Thi đàn Côn Đảo như: Phan Bội Châu, Châu Thơ Đồng, Trần Quý Cáp, Đặng Thái Thân là những ví dụ..., cái khéo, cái dụng công của Minh Viên, cái tài tình trong cách viết chính là ở chỗ đó.

Cái duyên, cái khéo của người kể chuyện trong *"Thi Tù Tùng Thoại"* là dẫn dắt người đọc từ chuyện này sang chuyện khác một cách tự nhiên dù đôi lúc giữa các câu chuyện đó không có mối quan hệ nhân quả với nhau, nó giống như các câu chuyện trong *"Ngàn lẻ một đêm"* của người Ả Rập. Chủ tâm của người viết, mục đích của cuốn sách không hề bộc lộ ra mà nếu như trình bày theo chương mục thì khó bề giấu giếm. Tác giả không nhiều lời bình luận, không bày tỏ ý riêng, che dấu cái ý tình sôi nổi, tha thiết. Sự việc tự nó đã trình bày ý nghĩa, mục đích. Còn phần tư tưởng, tình cảm đã có phần thơ văn minh họa. Tiếng khóc, tiếng cười, thiên đàng, địa ngục? Độc giả hãy lắng nghe và cảm nhận trong tiếng thơ dậy sóng ở một hòn đảo chơ vơ ngoài biển.

"Thái Bình Dương ngoài ba thiên khoảnh

Hạ nhập Côn Lô đảo thượng thi

Ngoài biển Thái Bình muôn lớp sóng

Có hồi tiếng dội dậy Côn Lô"

[3, Tr.116].

Về phương diện lịch sử, *"Thi Tù Tùng Thoại"* đã đề cập tới 40 nhân vật, phần lớn đã hoạt động trong hai thập niên đầu thế kỷ XX, trong đó có những người chưa hề *"có vinh dự"* là *"khách không mời"* của Côn Đảo như Phan Bội Châu, Trần Quý Cáp, Đặng Thái Thân, Thái Phiên, Châu Thượng Văn.

Dưới ngòi bút của Minh Viên, ta được gần gũi với đời sống tinh thần và sinh hoạt hằng ngày của các sĩ phu trong tù. Muốn biết nhiều hơn về Ngô Đức Kế, Tiểu La, Đặng Nguyên Cẩn,

Nguyễn Quyền, Lê Đại, Nguyễn Đình Kiên...xin hãy lắng nghe Huỳnh Thúc Kháng kể về họ, ngâm thơ họ. “Trong trường học thiên nhiên 13 năm (1908-1921) cả bọn đồng thời với tôi (Huỳnh Thúc Kháng - TG), cả thân sĩ cho đến người dân, kẻ chết không nói, người còn mà được tha về, vẫn giữ được tấm lòng không thay đổi” [4, Tr.35].

Để thực hiện một cuốn phim lịch sử về nhà ngục Côn Đảo, thì chúng ta không thể không dùng tới kịch bản “*Thi Tù Tùng Thoại*”, bởi trong đó nó cho chúng ta biết được một cách chính xác về các vấn đề như quang cảnh nhà tù, tổ chức nhà tù, sinh hoạt tù nhân, những biến động...được tác giả mô tả tỉ mỉ.

“*Bút pháp của Minh Viên trong “Trung Kỳ sự sưu ký” có nhiều công dụng hơn vì mục đích và hoàn cảnh của người viết. Thông tin mà Huỳnh Thúc Kháng gửi đến chúng ta là loại thông tin gián tiếp, ẩn dấu đằng sau lối thuật chuyện của một người “đóng vai ngoài cuộc”*” [7, Tr. 29]. Những sự kiện được tường thuật không quan trọng bằng cách tường thuật khéo léo với lối xếp đặt các sự kiện trong quá trình phát triển bằng cách dùng những từ ngữ có nội dung phong phú, hàm súc, đôi khi “*ý tại ngôn ngoại*”... Huỳnh Thúc Kháng giúp chúng ta hiểu được những gì mà Cụ không thể chuyển đến chúng ta một cách trực tiếp do điều kiện khách quan không cho phép Cụ làm điều đó.

3. Kết luận

Là một nhà lãnh đạo Duy Tân đầu thế kỷ XX, trải qua 13 năm trong tù ngục Côn Đảo (1908-1921), chủ nhiệm và chủ bút báo Tiếng Dân (1927-1943), Bộ trưởng Bộ Nội vụ rồi Quyền Chủ tịch nước..., ở bất cứ vị trí nào Huỳnh Thúc Kháng cũng có đóng góp lớn lao cho dân tộc.

Và, ngoài sự nghiệp kể trên, “*Minh Viên đáng được nghiên cứu như một nhà viết sử với một bút pháp đặc biệt, tài tình và sống động, đã có những công trình biên soạn vô cùng quý giá trong một thời kỳ đất nước và dân tộc đang đấu tranh giành độc lập và tự do*” [5, Tr. 130].

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thế Anh (2008), *Phong trào kháng thuế ở miền Trung qua các châu bản triều Duy Tân*, Nxb Văn học, Hà Nội.
2. Huỳnh Thúc Kháng (1957), *Thi Tù Tùng Thoại*, Nxb Tân Việt, Sài Gòn.
3. Huỳnh Thúc Kháng (1963), *Huỳnh Thúc Kháng tự truyện*, Nxb Anh Minh, Huế.
4. Huỳnh Thúc Kháng (1968), *Vụ kháng thuế ở Trung Kỳ năm 1908*, Nxb Lá Bối, Sài Gòn.
5. Nguyễn Hiến Lê (1968), *Đông Kinh nghĩa thực*, Nxb Lá Bối, Sài Gòn.
6. Hồ Chí Minh Toàn tập (2011), *Tập 5*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. Ngô Thành Nhân (1961), *Ngũ Hành Sơn chi sĩ*, Nxb Anh Minh, Huế.
8. Nguyễn Q. Thắng (1972), *Huỳnh Thúc Kháng: Con người và thơ văn*, Phủ Quốc vụ khanh Đặc trách văn hóa xuất bản, Sài Gòn.

9. Nguyễn Q. Thắng (1992), *Huỳnh Thúc Kháng - Tác phẩm*, Nxb Tp. Hồ Chí Minh.
10. Nguyễn Q. Thắng - Nguyễn Bá Thế (1998), *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam*, Nxb Văn hóa, T.p Hồ Chí Minh.
11. Nguyễn Q. Thắng (2006), *Phong trào Duy Tân - Các khuôn mặt tiêu biểu*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
12. Tài liệu chép tay của nhà nghiên cứu Trần Viết Ngạc, Khoa Lịch sử, Trường ĐHSP TP Hồ Chí Minh.
13. Nguyễn Văn Xuân (1968), "Văn học miền Trung", in trong *Tạp chí Tân Văn*, tháng 5,6.
14. Nguyễn Văn Xuân (2000), *Phong trào Duy Tân*, Nxb Đà Nẵng.

HUYNH THUC KHANG - THE ANNALIST OF DUY TAN MOVEMENT IN THE EARLY 20TH CENTURY

Nguyen Tat Thang*

College of Education, Hue University, 34 Le Loi, Hue city, Vietnam

Abstract. Huynh Thuc Khang (1876-1947) is a strong-willed famous scholar with talent, virtue and patriotism, the Vietnamese people often referred to him with a close name: Cu Huynh. From an active participant in the Duy Tan movement, Huynh Thuc Khang became a "historian". He made quite a complete record of events, happenings and prominent figures in the Duy Tan movement, especially in the anti-tax movement in 1908. On the basis of various sources, with historical method and logical method, this article aims to understand deeply the contributions of Huynh Thuc Khang to the patriotic movement, especially in elucidating the historian's role of the Duy Tan movement in Vietnam in the early twentieth century.

Keywords: Huynh Thuc Khang, Historian, Anti-tax, Con Dao, Tieng Dan.